TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: 682 /TTr-VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
V/v thông qua Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Thực hiện Công văn số 5999/TKV-TCNS ngày 07/12/2023 của TKV về triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại TKV đến năm 2025; Công văn số 6000/TKV-TCNS ngày 07/12/2023 của TKV về triển khai sắp xếp doanh nghiệp theo Đề án cơ cấu lại TKV đến năm 2025.

Nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, đảm bảo số đầu mối các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu Công ty mẹ và số đầu mối các công ty con trong toàn Tổng công ty tập trung hóa theo địa bàn và theo ngành nghề, từ đó tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Tổng công ty, tiếp tục cải thiện tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã xây dựng Dự thảo Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025, trong đó tập trung xây dựng phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2024-2025 ở 02 nội dung chính là (1) Tái cơ cấu mô hình tổ chức và (2) Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản - TKV năm 2024 xem xét, thông qua.

(Nội dung chi tiết Đề án và các Phụ lục kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, TCLĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Nguyễn Văn Hải

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÔ QUỐC TRUNG
Ký ngày: 25/3/2024 16:57:30



đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2015.

Ngày 28/12/2015 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK- QLPH. Ngày 09/3/2016 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ngày 21/7/2016 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN V/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016 tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 20/12/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 856/QĐ – SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Ngày 02/02/2023, cổ phiếu KSV giao dịch lần đầu tiên trên sàn HNX.

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty đã nhiều lần thực hiện tái cơ cấu. Giai đoạn 2017-2020 Tổng công ty thực hiện Đề án tái cơ cấu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 02/4/2018, kết quả thực hiện chi tiết được đánh giá ở phần sau.

2. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh

2.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Tổng Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Tổng Công ty ngày càng lớn mạnh.

2.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại màu, kim loại đen, các khoáng chất phi kim loại, khí công nghiệp và hoá chất.
- Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.
- Gia công chế tạo, sản xuất các sản phẩm từ kim loại đồng, kẽm, gang thép, để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.
- Kinh doanh nguyên vật liệu, các sản phẩm hàng hóa ngành khai khoáng, luyện kim; du lịch, thương mại và dịch vụ.

2.3. Các sản phẩm chính

a. Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:

- Tinh quặng đồng 25% Cu;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;

Giảm đầu mối các phòng/ban cơ quan Tổng công ty; số phòng của Tổng công ty từ 13 phòng giảm còn 11 phòng theo đúng Đề án đã được phê duyệt.

Ba đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ Tổng công ty, các đơn vị này tiếp tục được tổ chức quản lý dưới hình thức là Chi nhánh của Tổng công ty. Đã thực hiện giảm đầu mối phòng, ban, phân xưởng tại các chi nhánh trực thuộc theo đúng Đề án.

2.1.2. Tái cơ cấu tại các Công ty cổ phần:

Giai đoạn này Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại 03 công ty: CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh, CTCP Địa ốc Khoáng sản – TKV, CTCP Vàng Lào Cai. Tuy nhiên, chưa thể thoái vốn tại 03 công ty: CTCP Gang thép Cao Bằng, CTCP Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng, CTCP Xi măng Tân Quang – VVMI; chưa hoàn thành giải thể Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai.

2.2. Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp

2.2.1. Nghiên cứu và triển khai áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại Công ty mẹ-Tổng công ty.

2.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy nội bộ trong Công ty mẹ và các công ty con. Theo đó số lượng phòng chuyên môn trực thuộc cơ quan Công ty mẹ-Tổng công ty còn 11 phòng. Cơ cấu, số lượng phòng chuyên môn, phân xưởng của Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ-Tổng công ty thực hiện theo đúng Đề án.

2.2.3. Công tác quản trị tài nguyên: Giai đoạn 2017 – 2020, Tổng công ty tập trung các nguồn lực về tài chính, con người đẩy mạnh công tác quản trị tài nguyên, thăm dò phục vụ khai thác, báo cáo kết quả thăm dò trình duyệt trữ lượng tại các khu mỏ đang hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên trong các khu mỏ. Giai đoạn này, toàn Tổng công ty triển khai thi công và lập báo cáo tổng kết 03 Đề án thăm dò (Thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng đến mức -600m mỏ đồng Sin Quyền; lập báo cáo tổng kết 02 Đề án: Sắt Nà Lũng; thiếc Quý Hợp); được cấp lại 03 Giấy phép khai thác (Sin Quyền, Vi Kẽm, Chì kẽm Lang Hít).

2.2.4. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ

a. Một số chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm chủ yếu đến năm 2020: cơ bản đạt mục tiêu đề ra:

- Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khoáng sản đồng (Mỏ đồng Sin Quyền): ≤1%; Nâng hàm lượng tinh quặng sắt ≥ 64% Fe, S ≤ 1%; nghiên cứu tận thu khoáng vật trong quặng đuôi thải ra từ Nhà máy tuyển đồng.

- Thực thu kẽm đạt 91,37%, mặc dù đã tăng hơn trước, tuy nhiên do hàm lượng kẽm chứa trong các loại bã thải còn cao, chưa có giải pháp triệt để, nhất là dự án cải tạo nâng cao chất lượng nhà máy kẽm điện phân chưa thực hiện đủ.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao thực thu vàng, kết quả thực thu vàng hiện nay đạt trung bình 96,35%.

- Nâng cao chất lượng axit sunfuric ≥ 97%. Hết năm 2020 chất lượng axit sunfuric đạt trung bình 97,91%



Trong giai đoạn 2017-2020 Tổng công ty đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện và hoàn thành các dự án đầu tư như sau:

- Dự án mở rộng nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động nhà máy tuyển khoáng từ tháng 02/2019.

- Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai cơ bản hoàn thành và sản xuất sản phẩm thương mại. Dự án Đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai đang được Tổng công ty quyết liệt, tập trung cao độ để triển khai thực hiện.

- Dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm ĐPTN Đối với các gói thầu của dự án đã được triển khai thực hiện đầu tư.

- Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng công ty Khoáng sản- Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm đang triển khai thực hiện các thủ tục đền bù, tái định cư để khai thác quặng sắt khu Bắc Nà Rụa.

- Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao - Tam Đường - Lai Châu (Phần mỏ tuyển), Công ty CP Đất hiếm Lai Châu – VIMICO: do khó khăn về công nghệ, thị trường, thu xếp vốn và một số vướng mắc khác nên triển khai thực hiện rất chậm. Hiện tại, Công ty đang báo cáo các cấp thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn và đang tích cực làm việc với các cơ quan chức năng, đối tác đầu tư để triển khai thực hiện dự án.

Tổng giá trị thực hiện giai đoạn 2017 – 2020 và năm 2021 của toàn Tổng công ty là 5.207 tỷ đồng. Trong đó: năm 2017: 916 tỷ đồng, năm 2018: 1.019 tỷ đồng, năm 2019: 1.122 tỷ đồng; năm 2020: 861 tỷ đồng; năm 2021: 1.289 tỷ đồng.

2.2.6. Công tác quản trị chi phí

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp kinh doanh giữa Tổng công ty với TKV và với các Công ty con. Hoàn thiện cơ chế khoán, quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, tiết giảm chi phí quản lý, tăng năng suất: lao động và khoán quản trị nội bộ đến các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

2.2.7. Công tác quản lý tài chính

- Hệ số tài chính chủ yếu đến năm 2020:

+ Hệ số nợ phải trả/vốn CSH bình quân ở mức 2,07 lần, cao hơn kế hoạch trong Đề án 2017-2020 được phê duyệt.

+ Hệ số thanh toán hiện hành: ≥ 0,5 lần, đảm bảo kế hoạch đã phê duyệt.

- Đã thu xếp và cân đối đủ nguồn vốn dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư tuy nhiên không đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt. Tập trung thu xếp đủ vốn trung dài hạn, ngắn hạn phục vụ SXKD.

- Quản lý chặt chẽ dòng tiền tập trung thông qua việc thực hiện công tác dự báo nhu cầu vốn bằng tiền và lưu chuyển tiền, nhằm xác định và cân đối nhu cầu thực tế về vốn và dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày

khoáng, luyện kim được nâng cao hơn nữa về mức độ tự động hóa, công nghệ được cải tiến, chính định góp phần nâng cao hơn nữa thực thu, chất lượng sản phẩm, thu hồi thêm các khoáng sản có ích, giảm tiêu hao các nguyên vật liệu, vật tư chính

- Chủ động trong công tác tài chính, đảm bảo thu hồi toàn bộ công nợ nội bộ, thu xếp đủ vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đầu tư trong toàn Tổng công ty, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính yêu cầu như hệ số nợ, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh…

- Đưa các dự án trọng điểm như : Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Dự án Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I); Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai; Dự án Cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; ... vào hoạt động có hiệu quả, qua đó đóng góp tích cực vào quy mô tăng trưởng của Tổng công ty .

- Tiền lương, thu nhập của người lao động được đảm bảo và tăng trưởng hàng năm.

2.3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Do nguyên nhân khách quan từ địa phương, cơ chế chính sách và dịch bệnh Covid-19 bùng phát nghiêm trọng, ..., tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm đều bị chậm tiến độ, dẫn đến một số mục tiêu phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 không đạt kế hoạch.

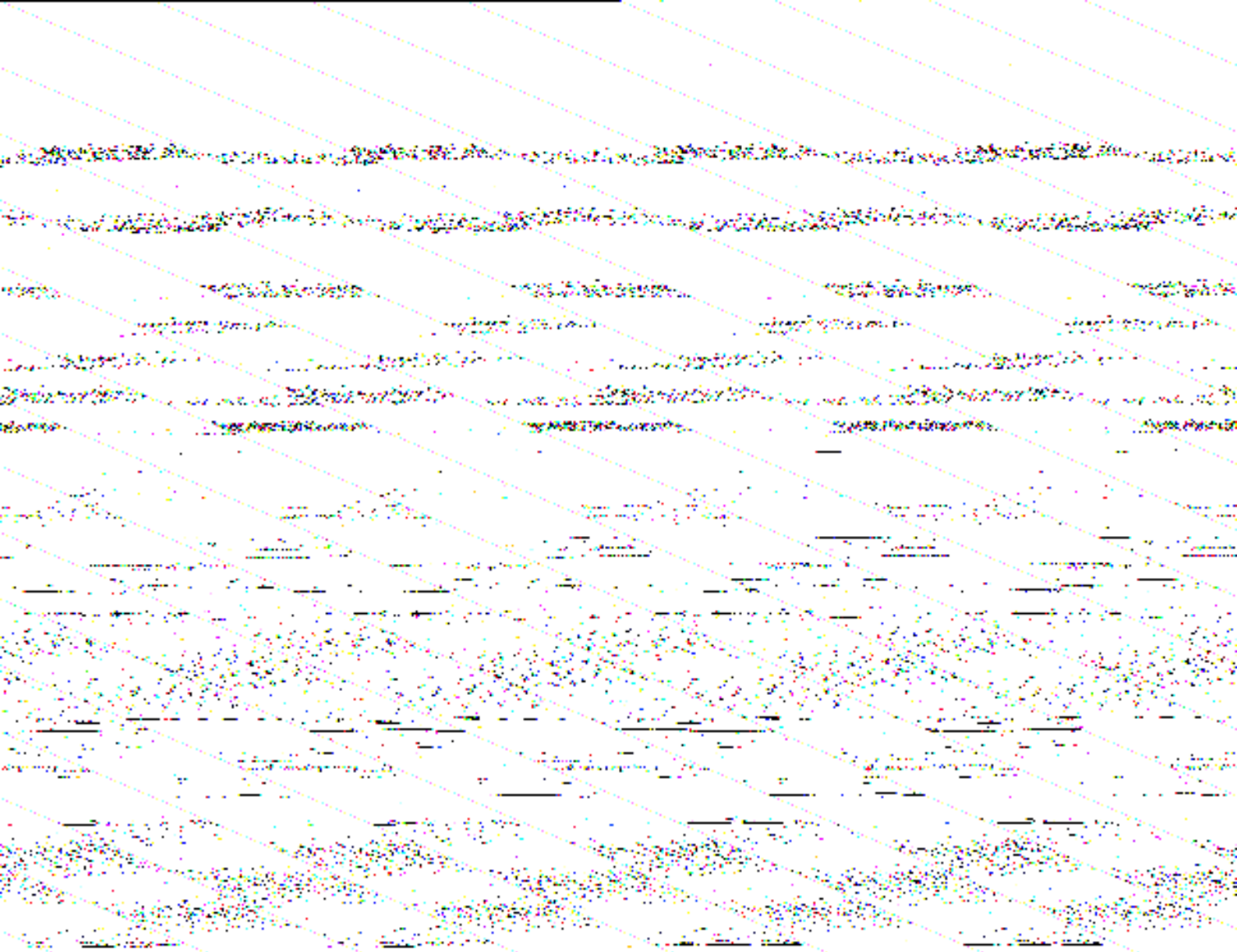
- Chưa thể thực hiện thoái vốn (03 công ty) là do quy định pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cho việc thoái vốn chào bán công khai đối với các đơn vị chưa phải là công ty đại chúng hoặc các đơn vị chưa đủ điều kiện chào bán ra công chúng theo quy định của luật chứng khoán. Chưa hoàn thành giải thể (01 công ty) là do vướng mắc trong việc xác định giá trị đền bù đất tại địa phương.

- Theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020, mục tiêu đến 2020, lao động quản lý của toàn Tổng công ty dưới không quá 12%. Tuy nhiên, kết thúc giai đoạn tỷ lệ lao động quản lý của toàn Tổng công ty vẫn ở mức trên 15%. Nguyên nhân do: Tổng công ty là đơn vị 2 cấp; một số dự án đầu tư của Tổng công ty chưa đi vào hoạt động nên chưa tăng lao động sản xuất trực tiếp trong khi vẫn phải tập trung đội ngũ gián tiếp để quản lý, triển khai Dự án và thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất; Thoái vốn tại một số đơn vị từ giai đoạn 2017 đã giảm nhất định tỷ lệ lao động trực tiếp. Từ năm 2017, do tình hình SXKD của Tổng công ty khó khăn, lao động công nghệ và lao động phụ trợ giảm mạnh, nhiều lao động lành nghề xin nghỉ việc và chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp khác.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty hiện nay

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm các cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó tổng giám đốc Tổng công ty.



CHƯƠNG II
ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV ĐẾN NĂM 2025

I. Sự cần thiết phải thực hiện tái cơ cấu:

1. Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Tổng công ty cần có bước chuyển mình, phân tích và hợp lý hóa (cơ cấu lại) cơ cấu tổ chức, các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của Tổng công ty. Nếu không tái cơ cấu Tổng công ty sẽ có nguy cơ bị tụt hậu. Tái cơ cấu sẽ là một bước chuẩn bị tốt cho Tổng công ty trong quá trình hội nhập, phát triển.

2. Tái cơ cấu sẽ tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Tổng công ty, tập trung được các nguồn lực, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh của Tổng công ty theo chiều hướng tốt lên.

3. Tái cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty sẽ giúp Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững trong điều kiện kinh tế quốc tế nhiều biến động như hiện nay.

II. Nguyên tắc tái cơ cấu:

1. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, của TKV trong thực hiện tái cơ cấu Tổng công ty.

2. Đảm bảo mô hình tổ chức và các mối quan hệ trong Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty - Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật, nhất là Luật Khoáng sản, Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp,…

3. Đảm bảo số đầu mối hợp lý, bao gồm số đầu mối các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu Công ty mẹ và số đầu mối các công ty con trong toàn Tổng công ty theo hướng tập trung hóa theo địa bàn và theo ngành nghề.

4. Đảm bảo Công ty mẹ Tổng công ty thực sự mạnh về tài chính và là chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản (chủ mỏ) như quy định trong Điều lệ để nắm quyền chi phối, chỉ huy điều hành thống nhất trong toàn Tổng công ty nhằm thực hiện được trách nhiệm Nhà nước giao *"đảm bảo một số cân đối lớn về sản phẩm khoáng sản và luyện kim của nền kinh tế"*.

5. Việc tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc, công ty con đảm bảo tính kế thừa, phát huy được những ưu điểm của mô hình tổ chức sản xuất trong các năm qua, phù hợp với mô hình tăng trưởng, cơ cấu, phạm vi và quy mô kinh doanh trong các năm tới; hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh các vấn đề gây bất ổn an sinh xã hội và chi phí để thực hiện tái cơ cấu.

6. Công ty mẹ - Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối hợp lý tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, có tài nguyên, trữ lượng khoáng sản quy mô lớn và có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, sản phẩm có lợi thế, Tổng công ty có kinh nghiệm về quản trị .

7. Tái cơ cấu Tổng công ty phải đảm bảo tiếp tục giữ vững văn hóa doanh nghiệp; cần có sự thống nhất, đồng lòng từ trên xuống dưới, từ ban lãnh đạo tới



Căn cứ công văn số 4266/TKV-KH ngày 10/9/2021 Về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu định hướng Kế hoạch 5 năm (2021 – 2025);

Căn cứ công văn số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2024;

Căn cứ các nguồn lực hiện có (tài nguyên, máy móc thiết bị, con người,...), khả năng sản xuất và dự báo tình hình thị trường, Tổng công ty cân đối các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu năm 2024 và 2025 như sau như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
I	***Sản lượng sản xuất và tiêu thụ***			
	Tinh quặng đồng 25%Cu sản xuất	tấn	74.100	80.100
	Đồng tấm cathode 99,95% Cu:	tấn	30.000	30.000
	Kẽm thỏi 99,95%Zn:	tấn	8.215	10.000
	Thiếc thỏi 99,75%Sn:	tấn	140	150
	Phôi thép	tấn	220.000	220.000
	Vàng:	kg	956	1.000
	Axit sunfuric:	tấn	138.666	138.666
	Hàng hoá chế tác trang sức, mỹ nghệ			
II	***Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách***			
	- Doanh thu	tỷ đồng	12.048	12.000
	- Lợi nhuận	tỷ đồng	300	320
	- Nộp ngân sách	tỷ đồng	1.093	1.100
III	***Lao động và tiền lương:***			
	Lao động sử dụng BQ	Tr.đ	5.255	5.255
	Tiền lương bình quân		15	15
IV	***Đầu tư xây dựng cơ bản:*** **triệu đồng.**	Tr.đ	227.794	300.000
	Xây lắp: 40.470 triệu đồng;	Tr.đ	40.470	60.000
	Thiết bị: 131.500 triệu đồng;	Tr.đ	131.500	190.000
	Chi phí tư vấn và khác: 55.824 triệu đồng.	Tr.đ	55.824	50.000

IV. Định hướng và các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp đến năm 2025

1. Chiến lược phát triển, ngành nghề, định hướng kinh doanh, sản phẩm, thị trường

Giai đoạn đến 2025, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty tiếp tục được duy trì và phát triển, gồm:

- Thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản;

(về giá cả mua bán vật tư, hàng hóa, sản phẩm) lên từng công đoạn sản xuất, từng bộ phận quản lý. Tổng công ty sẽ tính toán và phân bổ chỉ tiêu giá thành theo từng công đoạn, từng cấp quản lý.

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Theo dõi, cập nhật chi phí, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá biến động các yếu tố (chỉ tiêu công nghệ, tiêu hao và chi phí vật tư, nguyên nhiên liệu, ...) để điều chỉnh kịp thời và kiểm soát được các chi phí giá thành trong từng kỳ sản xuất.

- Tăng cường quản lý, sử dụng phù hợp các loại vật tư tiêu hao và vật tư sửa chữa thiết bị cơ điện nhằm phục vụ sản xuất hiệu quả, tăng năng suất thiết bị, giảm giá thành.

- Xác định giá thành mục tiêu hàng năm để giao khoán cho các đơn vị (phòng ban Tổng công ty, Chi nhánh/ Công ty con), kiểm tra hàng tháng, đánh giá mức độ hoàn thành để xác định mức độ thưởng phạt.

b. Công tác quản lý tài chính

Tiếp tục triển khai các biện pháp đã áp dụng có hiệu quả trong công tác tài chính, kế toán giai đoạn qua để quản lý, sử dụng vốn, tài sản một cách hiệu quả nhất. Cụ thể:

- Căn cứ kế hoạch đầu tư, kế hoạch SXKD hàng năm, kế hoạch 5 năm, xác định nhu cầu vốn, xây dựng kế hoạch dòng tiền ngắn, trung dài hạn phù hợp. Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để duy trì và mở rộng hạn mức tín dụng nhằm bố trí đủ vốn SXKD trong điều kiện các Dự án trọng điểm đã đi vào sản xuất. Cân đối sử dụng các sản phẩm tài chính phù hợp để vẫn đảm bảo được định mức vốn lưu động mà TKV duyệt hàng năm và đảm bảo chi phí lãi vay hợp lý theo quy định.

- Tiếp tục rà soát và có phương án xử lý đối với các tồn tại tài chính trong toàn Tổng công ty.

- Liên tục cập nhật tình hình SXKD, dự kiến kết quả SXKD hàng kỳ theo các điều kiện thực tế và các dự báo về thị trường để có các biện pháp quản trị kịp thời, phù hợp.

**Đối với Công ty mẹ*

Tiếp tục duy trì mô hình bán hàng tập trung, qua đó tập trung doanh thu, dòng tiền bán hàng, tập trung dòng tiền tài chính và đầu tư. Thực hiện phân cấp mạnh hơn cho các Chi nhánh thực hiện một số công việc đầu tư, bán hàng để tạo dựng quan hệ với các tổ chức tín dụng, qua đó xây dựng mô hình tài chính phân tán để dự phòng sử dụng trong trường hợp chính sách tài chính tiền tệ của Nhà nước thay đổi làm cho việc thực hiện mô hình tài chính tập trung không thực hiện được.

**Đối với các công ty con*



lý dự án đầu tư theo hướng chuyên môn hóa sâu, đồng thời với việc bố trí đủ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ đủ năng lực làm công tác quản lý đầu tư xây dựng; tăng cường công tác đào tạo, đào tạo tại chỗ đội ngũ nhân sự hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng nhằm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, cường độ ngày càng lớn trong hoạt động đầu tư xây dựng của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý và thực hiện chuẩn bị đầu tư (từ khâu lựa chọn đơn vị tư vấn, tổ chức thẩm tra, thẩm định đến ra quyết định đầu tư) bảo đảm chất lượng, khả thi trong thực hiện dự án đầu tư - trú trọng tập trung các đơn vị tư vấn chuyên ngành khai thác mỏ trong nước và ngoài nước đáp ứng được yêu cầu về thiết kế với công nghệ tiên tiến, bảo đảm hiệu quả kinh tế của dự án.

- Bám sát Quy hoạch ngành, Quy hoạch Xây dựng mục tiêu xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng trong giai đoạn phù hợp với chính sách của nhà nước và thực tiễn nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định của pháp luật, khả thi trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt trong công tác quản lý và sử dụng đất đai, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định của nhà nước, Nghị quyết của Đảng ủy TKV, và kế hoạch sử dụng đất của các địa phương nơi có các doanh nghiệp của Tổng công ty hoạt động.

- Làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất được nhà nước, TKV giao quản lý và sử dụng. Tăng cường đề cao vai trò công tác kiểm tra và thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn Tổng công ty, đặc biệt là việc rà soát trình tự và thủ tục đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện. Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư.

d. Công tác quản lý vật tư

Thống nhất công tác quản lý vật tư trong toàn Tổng công ty theo định hướng của TKV. Hoàn thiện các quy định quản lý, định mức sử dụng và phân công, phân cấp cụ thể trong mua sắm, bảo quản, sử dụng vật tư. Lựa chọn nhà cung cấp uy tín, chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh, mở rộng khách hàng, tìm sản phẩm nội bộ TKV, sản phẩm nội địa, .. để giảm chi phí các loại vật tư phục vụ sản xuất. Một số giải pháp:

- Trên cơ sở kế hoạch kỹ thuật, SXKD đã được TKV phê duyệt, xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất; áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa tồn kho vật tư, ứ đọng vốn.

- Chủ động tìm kiếm các nguồn vật tư thay thế trong nước, đảm bảo cung ứng vật tư duy trì sản xuất không gián đoạn; tăng sử dụng sản phẩm nội bộ (do các đơn vị trong TKV cung ứng, sản xuất, gia công, chế tạo) và khai thác hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

- Tìm biện pháp xây dựng hệ thống Nhà cung cấp chiến lược đảm bảo tiêu chí: Cung cấp kịp thời, chất lượng, giảm chi phí và phù hợp với quy định.

- Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định về công tác quản lý vật tư đảm bảo tuân thủ quy định của TKV và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn



(VIJAS) trực tiếp phân kim, chế tác sản xuất hàng trang sức mỹ nghệ để tiêu thụ,...Phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIJAS và Quy chế quản lý tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và nâng cao được giá trị gia tăng sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng thương hiệu vàng Vimico phù hợp với quy định và Luật và diễn biến thị trường vàng.

*** Tăng cường kiểm soát, nâng cao chất lượng sản phẩm:**

Chất lượng kẽm thỏi do Tổng công ty sản xuất chủ yếu sử dụng để sản xuất dòng sản phẩm cấp trung bình về mạ kẽm. Vì vậy, để gia tăng giá trị của sản phẩm, đồng thời có thể cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu và tăng thị phần ngay trên thị trường nội địa thì các sản phẩm này phải được nâng cao và đặc biệt ổn định về chất lượng.

Triển khai các giải pháp đầu tư, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng tinh quặng sắt tại chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền (Hàm lượng sắt > 64 % Fe, S < 0,5%), nâng cao chất lượng Axit Sunfuric tại Chi nhánh luyện đồng và Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên (> 97 %).

Đối với các sản phẩm còn lại như vàng, bạc, thiếc thỏi đảm bảo chất lượng sản phẩm như hiện nay và xem xét nghiên cứu nâng cao hơn, đặc biệt đối với vàng có thể nâng lên ≥ 99,99% và xây dựng thương hiệu vàng Vimico để nâng cao giá trị sản phẩm nếu điều kiện cho phép và có tính khả thi cao.

*** Xây dựng chính sách bảo vệ hệ thống khách hàng phù hợp:**

Để xây dựng thương hiệu Vimico đối với các sản phẩm chính, ngoài công tác duy trì chất lượng cao, ổn định và tiết giảm chi phí sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh thì việc duy trì các khách hàng truyền thống tiêu thụ ổn định và dài hạn cũng rất quan trọng. Tổng công ty xác định các đối tượng khách hàng là các nhà sản xuất trực tiếp sử dụng các sản phẩm đồng tấm, kẽm thỏi, thiếc thỏi, Axit Sunfuric, ... Sẽ là đối tượng ưu tiên lựa chọn của Tổng công ty. Đặc biệt là đối với sản phẩm đồng tấm, kẽm thỏi, Axit Sunfuric .

*** Giá bán:**

Xây dựng phương thức giá bán linh hoạt, phù hợp với thế giới và phù hợp với nhu cầu cung cấp nguyên liệu của nhà sản xuất/khách hàng, phù hợp với các quy định của Tập đoàn. Phương thức giá bán phải đảm bảo sự tương thích cao nhất so với chuỗi cung ứng của mỗi Nhà sản xuất/khách hàng, đảm bảo sự hỗ trợ hiệu quả nhất giữa Nhà cung cấp nguyên liệu - Nhà sản xuất - Nhà sử dụng.

- Đối với sản phẩm mang tính đặc thù như axit sunfuric: Xem xét chính sách giá bán phù hợp cho số đối tượng khách hàng truyền thống, nguyên tắc giá bán linh hoạt theo diễn biến thị trường chia theo từng kỳ (khoảng từ 6 đến 12 tháng mỗi kỳ) đảm bảo cạnh tranh, phù hợp với thị trường chung, chất lượng sản phẩm và giá thành sản xuất của Tổng công ty, đặc biệt không để ảnh hưởng phải ngừng sản xuất do không tiêu thụ được axít.

- Đối với sản phẩm vàng, bạc: Tổng công ty sẽ tiêu thụ 100% sản lượng tại thị trường trong nước hoặc có thể giao giá tiêu thụ cho VIJAS trên cơ sở đảm bảo hiệu quả SXKD của Tổng công ty và phù hợp với thị trường chung.



Về khả năng thanh toán: Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán hiện hành của Tổng công ty nhỏ hơn 1 gây khó khăn về tài chính trong việc trả các khoản nợ ngắn hạn, ảnh hưởng rất nhiều trong việc giải ngân các khoản vay các dự án của Tổng công ty.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty nhỏ hơn 3 lần đảm bảo theo quy định, phù hợp quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Một số tồn tại, hạn chế: Mặc dù hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản đã đạt được một số kết quả về tốc độ tăng trưởng, về lợi nhuận thu được, về hiệu quả kinh tế xã hội. Nhưng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh nhìn chung vẫn chưa cao và còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục. Cụ thể được thể hiện:

- Phân bổ nguồn vốn của Tổng công ty thiên về các khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ ngắn hạn tăng cao trong giai đoạn 2015 - 2019 làm gia tăng rủi ro trong hoạt động kinh doanh, giảm sức hấp dẫn với các nhà đầu tư; cơ cấu nguồn tài trợ chưa phù hợp với cơ cấu tài sản của Tổng công ty trong thời gian vừa qua.

- Hiệu suất sử dụng của vốn kinh doanh và mức sinh lời của vốn kinh doanh cũng như của vốn lưu động, vốn cố định trong thời gian qua không cao và có sự biến động theo xu hướng giảm đi ở cuối giai đoạn, và còn ở mức thấp.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã tập trung đầu tư đổi mới TSCĐ để nâng cao năng lực sản xuất, tuy nhiên có lúc hiệu quả sử dụng chưa cao, làm giảm hiệu suất sử dụng tài sản cố định và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn cố định của TCT.

b. Phương án cơ cấu lại tài sản, nguồn vốn của Tổng công ty giai đoạn đến 2025

- Vốn điều lệ: giữ nguyên vốn điều lệ trong giai đoạn này, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty được thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Tăng cường việc đầu tư đổi mới, bổ sung và tìm nguồn tài trợ cho Tài sản cố định

- Thanh lý bớt các tài sản đã quá cũ hoặc không còn phù hợp với quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tận dụng năng lực sản xuất hiện có của TSCĐ vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát, đẩy nhanh tiến độ xây dựng dở dang các Dự án đầu tư.

- Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng

- Thực hiện trích khấu nhanh trên cơ sở cân đối kết quả SXKD.

4. Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức bộ máy quản lý

4.1. Đối với cơ quan điều hành Tổng công ty

*** Ban lãnh đạo quản lý, điều hành:**

- HĐQT, BKS: giữ nguyên mô hình theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.



hợp tác làm đại lý cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ thành phẩm cho các đối tác lớn trong thị trường vàng của VN, trong đó ưu tiên cao nhất là hợp tác với các đơn vị kinh doanh vàng đã có uy tín trên thị trường như: SJC, Doji, VietNam Gold và các doanh nghiệp kinh doanh vàng khác.

Đến năm 2025, Chi nhánh tập trung thực hiện các công việc sau:

(1) Tìm kiếm các đơn vị sản xuất có uy tín và đủ năng lực để tiêu thụ vàng nguyên liệu;

(2) Nghiên cứu thị trường và triển khai xây dựng phương án kinh doanh vàng nguyên liệu.

(3) Tuyển dụng thêm, đào tạo và đào tạo chuyển đổi lao động để chuẩn bị vận hành mô hình sản xuất mới.

(4) Cải tạo quy hoạch lại nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, để nâng cao năng suất, đa dạng mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm.

Địa điểm kinh doanh: Tại trụ sở 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội hoặc 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội hoặc địa điểm phù hợp với hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.

** SXKD dòng quà tặng mỹ nghệ:*

- Mục tiêu:

Tăng sản lượng sản xuất: 10-15%, lợi nhuận tăng: 3–5%.

- Phương án:

+ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ nghệ cao cấp trên nhiều chất liệu, tập trung đẩy mạnh vào công tác tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới, gắn yếu tố phong thủy kết hợp với đá quý tự nhiên tạo nên tính mỹ thuật và độ tinh xảo cao.

+ Tiếp cận và phát triển các dòng sản phẩm quà tặng phục vụ cho các đối tác khách hàng là các địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng vào các dịp Lễ kỷ niệm, hội nghị tri ân khách hàng với mức giá cạnh tranh trên thị trường.

+ Hợp tác với các đơn vị kinh doanh cùng ngành để đàm phán việc gia công sản xuất thuê.

+ Định vị phân khúc khách hàng từ tầm trung và cao cấp trở lên.

+ Xây dựng, phát triển các kênh quảng cáo, bán hàng online.

** SXKD dòng trang sức:*

- Mục tiêu:

Chế tác các sản phẩm theo đơn đặt hàng và hợp đồng gia công chế tác xuất khẩu.

- Phương án:

+ Tiếp tục hợp tác với đối tác khách hàng truyền thống hiện có tại Nhật Bản và khai thác tìm kiếm thêm một số đối tác khác để gia công xuất khẩu.

+ Đẩy mạnh phát triển gia công chế tác cho các đối tác tại thị trường

Giai đoạn đến 2025, Tổng công ty tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn góp 51% vốn điều lệ tại Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo phát triển bền vững, Công ty tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách:

- Thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.

- Quyết toán dự án nâng công suất nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên với công suất 12.500 tấn/năm xong trong năm 2024. Tổ chức thực hiện Dự án cải tạo môi trường tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên đáp ứng theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho Nhà máy kẽm điện phân trong 10-15 năm tới.

- Rà soát, bố trí sắp xếp hợp lý các nguồn lực, đặc biệt chú ý nguồn lực con người và đất đai đang được giao quản lý sử dụng.

(2) Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

**** Hiện trạng:***

Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng gặp rất nhiều khó khăn do tài nguyên trữ lượng quặng thiếc mỏ Tĩnh Túc đã hết. Công ty đang khai thác tận thu ở bãi thải Thập Lục Phần và bãi thải khu Tây mỏ Tĩnh Túc. Mỏ sắt Nà Lũng trữ lượng còn lại ít và khai thác kém hiệu quả nên Công ty đang ký hợp đồng hợp tác khai thác với đơn vị khác để bù đắp các chi phí cố định như: tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác... Mỏ thiếc Nậm Kép đã được phê duyệt trữ lượng, Công ty đang lập dự án để xin chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp phép khai thác. Sản xuất điện và fero hiệu quả không cao, phụ thuộc thời tiết.

Năm 2023: lợi nhuận Công ty là 9,2 tỷ đồng, đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế; bảo toàn và phát triển được vốn doanh nghiệp.

**** Đề xuất về tái cơ cấu:***

Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng; yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, đặc biệt trong thời gian tới tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động khai thác khoáng sản; phát triển tài nguyên, trong đó tập trung việc xin gia hạn khai thác tận thu quặng còn lại tại các bãi thải mỏ Tĩnh Túc, đẩy nhanh tiến độ cấp phép và khai thác mỏ Nậm Kép; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có (tập trung rà soát xây dựng PA đầu tư nâng cấp các nhà máy máy thủy điện hiện có để phục vụ sản xuất, hướng tới hòa lưới điện quốc gia); tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động, tinh gọn bộ máy, …

(3) Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico

**** Hiện trạng:***

Hiện nay Công ty đang triển khai thực hiện Dự án khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao (Tam Đường, Lai Châu). Trong quá trình triển



lực chi tiêu từ vốn góp của các cổ đông cho đến khi có nguồn thu từ sản phẩm đất hiếm.

6. Cùng các cổ đông xem xét tăng vốn điều lệ ở mức hợp lý để đủ vốn cho việc nộp Ngân sách, điều chỉnh, triển khai dự án làm đến tinh quặng đất hiếm bằng vốn tự có.

(4) Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

**** Hiện trạng:***

Nhà máy gang thép đã đi vào vận hành ổn định, sản phẩm đạt chất lượng và đạt công suất thiết kế. Từ năm 2020 đến nay, Công ty sản xuất có lãi và đã bù được hết lỗ luỹ kế trong năm 2021.

- Về nguồn nguyên liệu quặng sắt:

CTCP Gang thép Cao Bằng là đơn vị hiện đang sở hữu mỏ sắt Nà Rụa với trữ lượng ở cấp 121+122 là 16.707.536 tấn quặng. Trữ lượng được cấp phép khai thác là: 9.625.000 tấn quặng, công suất 350.000 tấn QNK/năm. Thời gian cấp phép 28 năm, trong đó: Khu Bắc: 8.166.943 tấn; 59,64% Fe và Khu Nam: 1.458.057 tấn; 58,53% Fe.

Năm 2023, nguồn nguyên liệu quặng sắt tự cung ứng từ mỏ Nà Rụa chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất phôi thép do Khu Nam đã ở giai đoạn kết thúc khai thác, Khu Bắc chưa thể huy động do chưa thực hiện được GPMB, 80% nhu cầu nguyên liệu còn lại phải mua ngoài với nguồn cung khan hiếm, chủ yếu ở các địa bàn xa như Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên nên chi phí vận chuyển cao khoảng từ 250.000-700.000 đồng/1 tấn nguyên liệu. Thị trường phôi thép trong nước và trên thế giới bước vào chu kỳ suy thoái từ đầu năm, suy giảm mạnh cả về giá bán và sức mua. Giá bán bình quân phôi thép cả năm chỉ đạt 13,4/14,7 triệu đồng. Có thời điểm Công ty chỉ tiêu thụ được phôi CT5 trong nội bộ TKV. Trong khi đó giá nguyên, nhiên liệu đầu vào như than cốc, quặng sắt vẫn duy trì ở mức cao. Tại mỏ Nà Rụa, khu Nam đã kết thúc khai thác từ 31/12/2023.

Khu Bắc có nguồn quặng sắt chất lượng tốt, hàm lượng cao 58-62%Fe, gần như không lẫn các tạp chất chì, kẽm, lưu huỳnh, trữ lượng khoảng 8 triệu tấn, đủ cung cấp cho Khu liên hợp sản xuất ổn định trong 23 năm. Quặng sắt có hàm lượng cao, giúp cắt giảm được khâu tuyển tinh, quặng không lẫn các tạp chất giúp thuận lợi trong vận hành lò cao, điều chỉnh công nghệ luyện kim, giữ ổn định được định ngạch sửa chữa, giảm chi phí bảo trì, sửa chữa; thuận lợi cho việc xây dựng phương án kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, giờ hoạt động của thiết bị.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất Công ty đang gặp phải là nguồn cung nguyên liệu cho Nhà máy, khi Dự án khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa chậm tiến độ, nguyên nhân chủ yếu là công tác giải phóng mặt bằng; công tác thực hiện Dự án tái định cư, ...

Có thể nói, việc huy động được trữ lượng của khu Bắc có ý nghĩa sống còn đối với Công ty CP Gang thép Cao Bằng, giúp giảm được hầu hết hết khó khăn hiện tại.

chất lượng, tỷ lệ % cỡ hạt) và quy định quản lý (quy chế quản lý mua sắm vật tư).

Những nguyên nhân này làm cho vấn đề than cốc của GTCB (luôn trong tình trạng ăn đong) hàm chứa rủi ro lớn về giá, chưa có biện pháp đề phòng.

- *Về tình hình thiết bị:* Thiết bị của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng đưa vào sản xuất từ năm 2015, đến nay đã bước sang năm thứ 9; đã thực hiện chu kỳ đại tu vào năm 2022. Về cơ bản, hệ thống dây chuyền sản xuất hiện tại của Nhà máy hoạt động ổn định.

- *Về cơ hội cạnh tranh của CISCO trong thị trường sắt thép:*

Cơ hội cạnh tranh của CISCO trên thị trường sắt thép khá thấp do một số lý do sau đây:

+ Tự chủ nguồn nguyên liệu thấp: Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu quặng sắt hiện tại của CISCO ở mức thấp (nguồn nguyên liệu của Công ty phụ thuộc mua ngoài và 1 phần từ VIMICO – Mỏ Sin Quyền).

+ Tiêu hao than cốc: Các doanh nghiệp sắt thép ở miền bắc và miền trung Việt Nam hiện nay như Việt Trung, Tuyên Quang, Hòa Phát, Formosa đều có công suất sản xuất phôi thép lớn hơn của CISCO từ 2 lần trở lên, với lò cao dung tích lớn hơn nên khả năng tiết giảm tiêu hao than cốc/tấn gang lỏng tốt hơn so với CISCO.

+ Các bất lợi khác: Xa thị trường nguyên liệu đầu vào (than cốc và hiện tại là cả quặng sắt), xa thị trường tiêu thụ sản phẩm phôi thép cũng như sản phẩm sắt thép xây dựng (khu vực đồng bằng và trung du với các đô thị lớn đông dân cư).

** Đề xuất về tái cơ cấu:*

Đến năm 2025, Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Các năm tới, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ rất khó khăn chủ yếu liên quan đến nguyên liệu quặng sắt cung cấp cho sản xuất, trong khi Khu Nam đã kết thúc khai thác, Khu Bắc chưa đi vào hoạt động. Tổng công ty yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tăng cường công tác quản trị, đẩy mạnh công tác tin học hóa, tự động hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, nâng cao hiệu quả cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có; tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động, tinh gọn bộ máy, ...Đặc biệt trong thời gian tới tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong việc triển khai Dự án khai thác Khu Bắc (tập trung thực hiện công tác GPMB cho triển khai Dự án); đảm bảo nguồn cung quặng sắt trong thời gian Khu Bắc chưa đi vào hoạt động; tìm kiếm giải pháp như sử dụng chất lượng than cốc, cỡ hạt đa dạng để đảm bảo nguồn cung cấp than cốc ổn định. Đẩy mạnh công tác chế biến sâu sản phẩm gang lỏng, thép lỏng đáp ứng nhu cầu vật tư đúc nội bộ, tập trung đẩy nhanh dự án cán thép theo đúng kế hoạch tiến độ Tổng công ty giao.

(5) Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico



- Tích cực làm việc với cơ quan quản lý để có chính sách thuế, phí phù hợp, hạ tỷ trọng thuế phí trong kết cấu giá thành.

- Tổ chức thăm dò, đánh giá lại nguồn tài nguyên do Công ty sở hữu báo cáo Tổng công ty để có định hướng tiếp theo.

- Phát huy tối đa các nguồn lực của Công ty, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả khai tuyển mỏ sắt Kíp Tước và cân đối sản lượng, hợp lý hóa các công đoạn khai thác, chế biến quặng sắt mỏ Làng Vinh – Làng Cọ.

- Công ty ký hợp đồng với các đối tác, cổ đông về các dịch vụ sản xuất mỏ, mua bán nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa để các bên có kế hoạch SXKD dài hạn đảm bảo được nhu cầu tài chính cho SXKD trong giai đoạn khó khăn.

4.3.2. Các đơn vị Tổng công ty thoái toàn bộ vốn hoặc giải thể

(1) Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng

**** Hiện trạng:***

Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng là đơn vị hoạt động thương mại dịch vụ: kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, tour du lịch .... Công ty có lợi thế thương mại về vị trí địa lý nhưng hoạt động kinh doanh hiệu quả không cao do bị cạnh tranh bởi nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động cùng ngành nghề trên cùng địa bàn. Những năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch covid 19. Từ năm 2022, Công ty hoạt động có lãi, trong đó năm 2022 lãi 650 triệu đồng, năm 2023 lãi 400 triệu đồng. Tuy nhiên đơn vị vẫn lỗ lũy kế đến hết năm 2023 khoảng 4,1 tỷ đồng.

**** Đề xuất về tái cơ cấu:***

Chủ trương Tổng công ty sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính là khai thác, chế biến khoáng sản và không nắm giữ cổ phần tại các đơn vị khối thương mại dịch vụ. Vì vậy, tiếp tục thực hiện chủ trương đã được TKV thông qua giai đoạn 2017-2020, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ số vốn góp của TCT bằng 51,31% vốn điều lệ tại CTCP Du lịch và Thương mại Bằng Giang theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: dự kiến hết năm 2025.

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai

Tổng công ty cần bám sát UBND tỉnh Lào Cai để kịp thời giải quyết những vướng mắc do ảnh hưởng của quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, các thỏa thuận đền bù chi phí chưa thể thống nhất được của các bên sử dụng đất của Công ty. Công ty cần xử lý xong tất cả các vướng mắc, các nghĩa vụ liên quan, quyết toán tài chính và chấm dứt hoạt động kinh doanh, từ đó thực hiện giải thể Công ty.

Thời gian thực hiện: hết năm 2025.

4.4. Đối với các công ty liên kết

Giai đoạn đến năm 2025, Tổng công ty thoái toàn bộ vốn tại 02 công ty liên kết, bao gồm:

- Từ năm 2017 đến hết năm 2020 Công ty hoạt động có hiệu quả, có lợi nhuận. Đến hết 30/6/2020 Công ty bù hết được lỗ lũy kế và năm 2020 chia cổ tức 2%. Từ năm 2021 đến hết năm 2023 Công ty hoạt động ổn định, có hiệu quả (lợi nhuận sau thuế: năm 2021 đạt 34.053 triệu đồng; năm 2022 đạt 43.980 triệu đồng; năm 2023 đạt 44.439 triệu đồng). Chia cổ tức: năm 2021 là 7%; năm 2022 là 8% và năm 2023 là 8,5%.

**** Đề xuất về tái cơ cấu:***

Trong điều kiện cơ chế chính sách của Nhà nước cho phép, Tổng công ty tiếp tục thực hiện chủ trương đã được TKV thông qua giai đoạn 2017-2020 là thoái toàn bộ vốn góp tại CTCP Xi măng Tân Quang theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: dự kiến hết năm 2025.

Trong thời gian chưa thoái được vốn, Tổng công ty tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn phối hợp với các cổ đông khác thực hiện một số nội dung: bám sát tình hình thị trường để có chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn, từng khu vực thị trường, tăng thị phần tại các thị trường trọng điểm nhằm tăng sản lượng tiêu thụ; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tập trung vào công tác cải tiến thiết bị nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, động lực và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ phải thu, hạn chế thấp nhất phát sinh các khoản nợ khó đòi để giảm rủi ro không thu được nợ; tiếp tục tăng cường công tác quản trị chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.5. Đơn vị phối hợp quản lý

Trung tâm Điều trị bệnh nghề và Phục hồi chức năng – Vimico

****Hiện trạng:***

Trung tâm Điều trị bệnh nghề và Phục hồi chức năng – Vimico triển khai thực hiện nhiệm vụ do TKV và VIMICO giao trong điều kiện đơn vị gặp nhiều khó khăn do những biến động về giá, cơ sở hạ tầng xuống cấp, điều kiện thời tiết và khí hậu khắc nhiệt. Sau khi chuyển mô hình hoạt động từ tháng 10/2015 đến nay, Trung tâm trực thuộc Công đoàn Tổng công ty Khoáng sản, do đó cơ chế tổ chức kinh doanh hiện nay của trung tâm hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu. Vì vậy còn rất nhiều bất cập trong hoạt động của Trung tâm. Các khu vực lân cận đã và đang xây dựng mới nhiều cơ sở lưu trú khang trang lên ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả hoạt động của Trung tâm. Đặc biệt cơ sở vật chất của Trung tâm tại Sa Pa xuống cấp và hư hại phải đề nghị hỗ trợ từ TKV và Tổng công ty để sửa chữa chống xuống cấp. Năm 2023, được sự hỗ trợ của TKV và Tổng công ty, Trung tâm đã tiến hành cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhiều hạng mục, chất lượng buồng phòng và cảnh quan đã thay đổi đáng kể. Nguồn nhân lực của đơn vị còn hạn chế. Khắc phục tình trạng này, đơn vị thuê lao động theo mùa vụ để giảm thiểu chi phí nhân công ở những tháng không cao điểm về dịch vụ và du lịch, điều dưỡng.

**** Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả của Trung tâm:***

- Tiếp tục triển khai các giải pháp kỹ thuật trong mỏ hầm lò như: khoan thăm dò phục vụ khai thác, khoan trước gương. Tăng cường các giải pháp cơ giới hóa công tác xúc bốc, vận tải trong lò, áp dụng hệ thống và công nghệ khai thác hợp lý, phù hợp với điều kiện khai thác hầm lò, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, nâng cao năng suất, sản lượng, giảm giá thành quặng nguyên khai.

- Tăng cường quản lý ranh giới mỏ và quản trị tài nguyên, áp dụng các giải pháp kỹ thuật khai thác chọn lọc, thu hồi tối đa tài nguyên bằng phương pháp lộ thiên giảm tỷ lệ tổn thất, làm nghèo để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Nghiên cứu áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật công nghệ trong khai thác mỏ như: khoan - nổ mìn tạo biên, nâng cao góc dốc sườn tầng, bờ công tác... để nâng cao khả năng xuống sâu đáy mỏ của các mỏ lộ thiên, thu hồi thêm tài nguyên khoáng sản.

- Thực hiện các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường: giải pháp trong nổ mìn giảm thiểu sóng chấn động, giải pháp đổ thải phân lớp giảm thiểu phát tán bụi...

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp công nghệ, kỹ thuật trong thi công đường vận tải mỏ như: cứng bê tông hóa hoặc sử dụng vật liệu polime trong thi công mặt đường các tuyến đường vận tải cố định để nâng cao năng lực thông qua, giảm chi phí tiêu hao nguyên vật liệu trong khâu vận tải nhất là khi khai thác xuống sâu, cung độ xa, độ cao nâng tải lớn.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tăng nhanh tốc độ đào lò, nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, áp dụng phương pháp nổ mìn tạo biên giảm hệ số thừa tiết diện. Để đảm bảo bảo đường lò ổn định giảm chi phí khoan nổ mìn, chống giữa, chèn lò. Thực hiện cơ giới hóa công tác khoan lỗ mìn, vận tải và một phần khâu xúc bốc đất đá, quặng để cải thiện điều kiện làm việc, tăng năng suất lao động. Từng bước áp dụng các loại hình kết cấu công nghệ chống giữ tiên tiến: Neo kết hợp bê tông phun, bê tông phun lưới thép, bê tông phun sợi thép, bê tông cốt thép, vì chống thép hoặc các dạng kết cấu vì móc để đơn giản trong thi công, góp phần nâng cao tốc độ thi công, an toàn và hiệu quả kinh tế so với các dạng kết cấu chống giữ truyền thống.

- Nghiên cứu lựa chọn, áp dụng công nghệ khai thác hầm lò tiên tiến phù hợp cho phần sâu mỏ đồng Sin Quyền, mỏ Vi Kẽm để chuẩn bị cho công tác lập dự án khai thác nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu cho khâu tuyển luyện hoạt động sau năm 2030.

5.2. Đối với công tác tuyển khoáng và luyện kim

Thực hiện chuyển đổi số trong công tác tuyển khoáng, luyện kim theo lộ trình của TKV và VIMICO.

Nghiên cứu, đầu tư nâng cấp một số thiết bị có năng suất cao hơn, tiếp tục hoàn thiện công nghệ và thiết bị để phù hợp với đối tượng quặng đang nghèo dần. Tăng cường tự động hóa tại các khâu công nghệ, đặc biệt là tự động hóa khâu điều chỉnh chế độ công nghệ.

hệ thống quản lý nhận lệnh, giao ca; hệ thống quản lý khai thác; hệ thống quản trị chi phí; hệ thống cập nhật kế hoạch và nghiệm thu; hệ thống quản lý bảo trì, bảo dưỡng và trung đại tu thiết bị, hệ thống quản lý hiệu suất tổng thể máy móc.

6. Kế hoạch, giải pháp tham gia hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất

- Trong thời gian tới sẽ nghiên cứu các dự án sản xuất hàng hoá sản phẩm sau kim loại đồng, kẽm, phôi thép, .. để gia tăng chuỗi giá trị khai thác chế biến khoáng sản. Trước mắt tập trung nghiên cứu xây dựng Dự án đầu tư dây chuyền cán kéo thép hình các loại (chế biến sâu phôi thép) với sản lượng thiết kế ~ 150.000 tấn/năm, tiến độ dự kiến trong 2 năm 2024 – 2025. Tổng mức đầu tư dự kiến ~ 230 tỷ đồng. Mục tiêu dự án là hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất dây chuyền sản xuất thép trên cơ sở các điều kiện sẵn có về nguyên liệu và nhà máy chế biến… từ đó nâng cao được chuỗi giá trị sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, xây dựng thị trường tiêu thụ ổn định cho Vimico.

Vimico tiếp tục nghiên cứu để thu hồi được các sản phẩm từ quá trình luyện tinh quặng đồng (Như thu hồi Bismuth từ quá trình luyện tinh quặng đồng mua ngoài) để có thể gia tăng chuỗi cung ứng sản phẩm.

- Đầu tư phát triển chế tác, kinh doanh các mặt hàng trang sức, mỹ nghệ nhằm gia tăng chuỗi giá trị Vàng và thương hiệu VIMICO.

- Tích cực phối hợp các bên liên quan để đầu tư khai thác hiệu quả các khu đất đang được thuê để gia tăng hiệu quả SXKD và thương hiệu VIMICO.

VI. Phương án tài chính khi thực hiện tái cơ cấu

Trên cơ sở đề xuất thoái vốn/giải thể như đề cập ở Mục 4.3, 4.4, Vimico sẽ thoái toàn bộ vốn tại các Công ty: Công ty CP du lịch Bằng Giang, Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico, Công ty CP đá quý và vàng Hà Nội, Công ty CP Xi măng Tân Quang; giải thể Công ty CP Đầu tư gang thép Lào Cai. Số vốn thu hồi sẽ dùng để tái đầu tư theo kế hoạch ĐTXDCB hàng năm.

VII. Hiệu quả đạt được sau khi tái cơ cấu đến năm 2025

1. Về mô hình tổ chức:

Dự kiến sau khi hoàn thành tái cơ cấu, mô hình tổ chức của Tổng công ty như sau:

** Công ty mẹ - Tổng công ty:* gồm Cơ quan Tổng công ty và 03 đơn vị trực thuộc:

- Cơ quan Tổng công ty: 12 phòng, ban chức năng (giai đoạn này chưa giải thể Ban QLDA Công ty mẹ Tổng công ty do đang tiếp tục thực hiện Dự án MRNCS Mỏ tuyển đồng)
- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico
- Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico

** Công ty con CP chi phối:* 05 đơn vị gồm:

- Công ty CP KLM Thái Nguyên – Vimico
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

2. Đối với phương án cơ cấu tổ chức:

Đẩy mạnh công tác thoái vốn/giải thể để đến hết năm 2025 hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu tại các đơn vị có vốn góp của Công ty mẹ:

2.1. Thoái vốn tại công ty con: Công ty CP Thương mại và Du lịch Bằng Giang, Cao Bằng; Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico.

2.2. Giải thể công ty con: Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai.

2.3. Thoái vốn tại các công ty liên kết: Công ty CP Xi măng Tân Quang, Công ty CP Đá quý và Vàng Hà Nội.

3. Đối với việc hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa

Đến hết năm 2025 dự kiến hoàn thành Dự án đầu tư dây chuyền cán kéo thép hình các loại (chế biến sâu phôi thép) với sản lượng thiết kế ~ 150.000 tấn/năm.

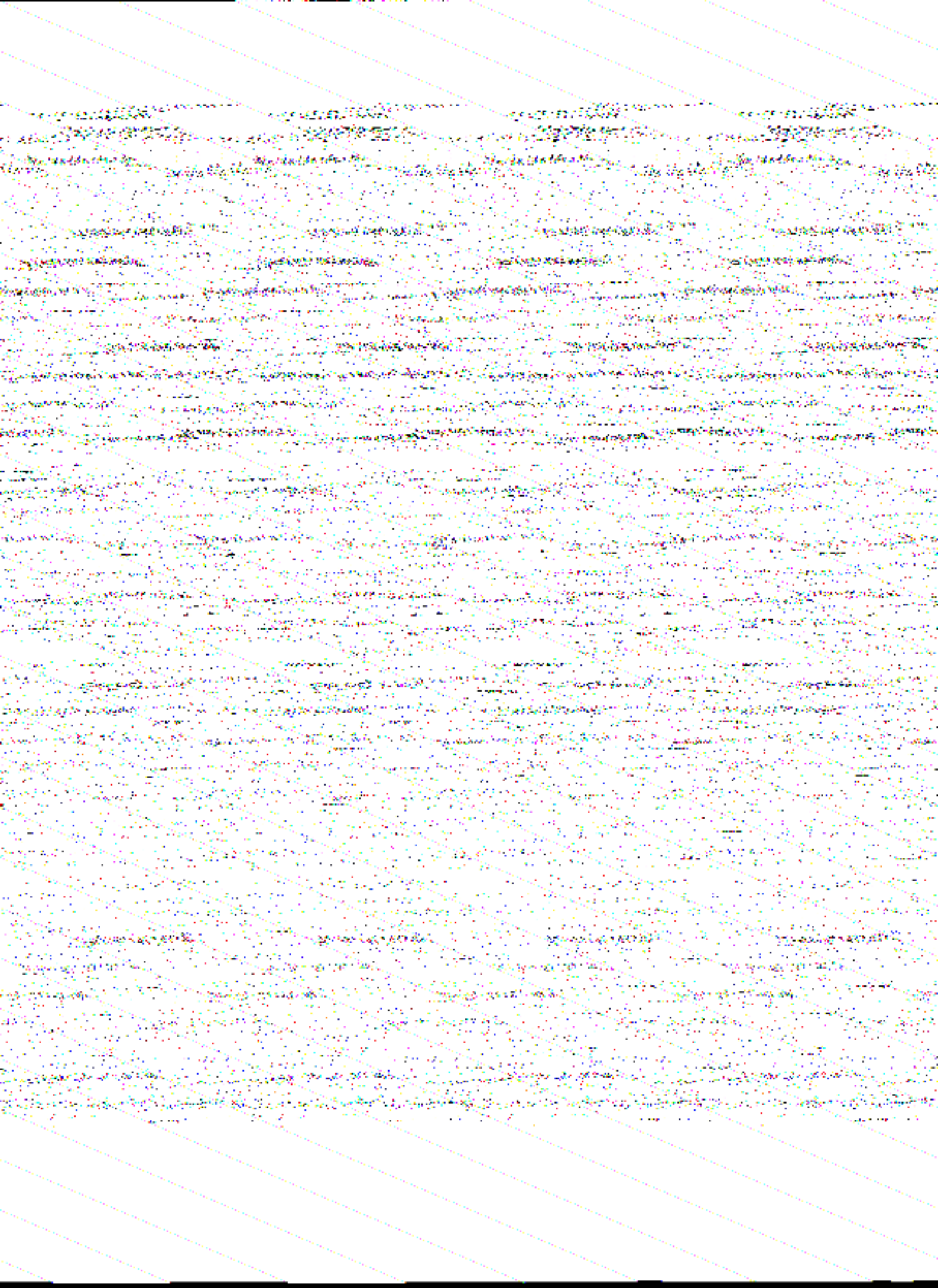


nghệ tuyển, điều chỉnh quy hoạch đất khai thác khoáng sản, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép an toàn bức xạ, Báo cáo đánh giá tác động môi trường và điều chỉnh Dự án)

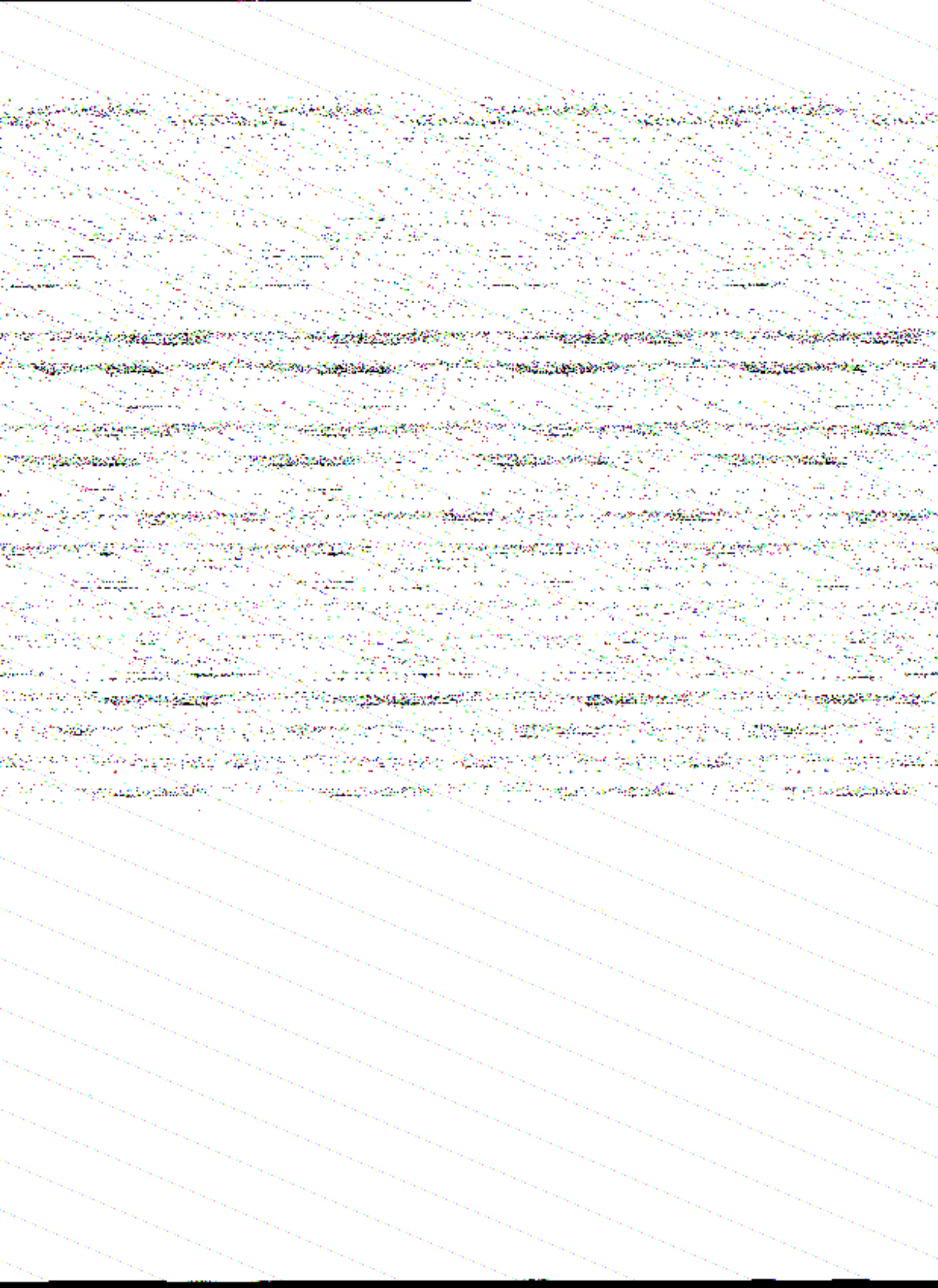
+ Về chế biến tổng oxit đất hiếm hàm lượng >95% TREO, đề nghị TKV hỗ trợ tìm kiếm đối tác hợp tác và/hoặc phương thức mua/chuyển giao công nghệ để Công ty CP Đất hiếm Lai Châu tự thực hiện làm ra tổng oxit đất hiếm.

2. Đối với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, việc áp dụng thoái vốn theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc sửa đổi Nghị định 91/2015/NĐ-CP không áp dụng đối tượng là Tổng công ty. Đề nghị có quy định, chính sách thoái vốn đối với các doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng (là những doanh nghiệp Tổng công ty có kế hoạch thoái vốn song không thể thực hiện do đang gặp vướng mắc về cơ chế như trên).



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
A	B	C	2	3	4	5	6	7	8
11	Thiếc thỏi	Tấn	569	297	178	97	130	150	153
12	Fero Silic 45%	Tấn	620	601	654	953	690	848	456
13	Phôi thép GTCB	Tấn	190.169	185.538	220.368	205.009	200.006	145.006	206.552
	- CT5pC	"	*62.386*	*73.560*	*88.503*	*82.745*	*90.007*	*109.035*	*113.417*
	- Q235	"	*71.693*	*765*	*6.286*	*11.266*	*16.781*	*67*	*13*
	- SD295A và Khác (E 295)	"	*56.090*	*111.212*	*125.579*	*110.998*	*93.218*	*35.904*	*93.122*
14	Đồng sunfat	Tấn					169	157	116
VI 1	SẢN PHẨM TIÊU THỤ CHỦ YẾU								
1	Tinh quặng đồng 22,7% Cu (NM2)	Tấn			17.424	4.917			
2	Đồng tấm cathode 99,95% Cu	Tấn	11.293	12.132	12.122	13.791	13.044	33.889	30.470
3	Axit sulfuric	Tấn	52.390	58.689	57.683	58.811	88.215	124.164	130.733
	- LDV	"	*40.191*	*44.033*	*43.210*	*42.496*	*72.469*	*110.390*	*114.510*
	- Thái Nguyên	"	*12.199*	*14.656*	*14.473*	*16.314*	*15.746*	*13.774*	*16.223*
4	Vàng	Kg	568	626	544	556	604	1.143	973
	- Công ty mẹ	"	*563*	*621*	*542*	*553*	*601*	*1.141*	*971*
	- KSLK Cao Bằng	"	*5*	*6*	*1*	*3*	*3*	*2*	*1*
5	Bạc	Kg	517	520	535	462	670	1.503	1.729
6	Tinh quặng sắt	Tấn	232.114	140.840	142.073	183.838	170.355	172.558	234.811
	- KS3 (Kip Tước)	"	107.670	65.055	38.666	70.022	50.627	66.355	96.681
	- Vinaco (manhetit)	"	117.503	75.785	103.407	113.817	119.728	106.203	138.129
7	Quặng sắt LV-LC (KS3)	Tấn		108.049	91.840		10.886		
8	Thạch cao	Tấn	1.568	2.344	1.839	1.881	2.670	4.228	13.960
9	Kẽm thỏi 99,95% Zn	Tấn	10.729	10.881	11.998	12.223	12.133	11.597	11.621
10	Tinh quặng chì 50% Pb	Tấn	2.954	3.710	1.348	3.867	4.511	4.928	5.166
11	Thiếc thỏi	Tấn	467	294	148	144	130	151	153
	- KLM Nghệ Tĩnh (99,95%)	"	*270*	*116*	*96*	*20*			
	- KSLK Cao Bằng	"	*197*	*177*	*52*	*124*	*130*	*151*	*153*
12	Fero Silic 45% (KSLK CB)	Tấn	653	591	657	315	1.117	426	629
13	Phôi thép	Tấn	199.203	161.271	229.375	215.943	197.775	140.311	188.562
	- CT 5	"	*63.258*	*69.102*	*80.067*	*87.371*	*91.008*	*104.710*	*115.842*
	- Q235A	"	*72.334*	*998*	*5.999*	*9.998*	*16.793*	-	-
	- SD295 và E295 và khác	"	*63.611*	*91.171*	*143.309*	*118.574*	*89.974*	*28.990*	*72.720*



PHỤ LỤC 1
CHƯƠNG TRÌNH TÁI CẤU TRÚC VÀ HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ TUYỂN KHOÁNG, LUYỆN KIM

1. Công tác tuyển khoáng

1.1. Nhà máy tuyển đồng số 1

** Hạn chế*

- Các máy đập côn Z2200 và D1750 không có tính năng tự nâng hạ nón côn bằng thủy lực khi bị kẹt quặng theo đó mỗi khi bị kẹt phải dừng máy để khắc phục bằng thủ công, gây gián đoạn sản xuất.

- Cấp liệu cho 2 máy nghiền bi hiện nay chủ yếu bằng thủ công quặng từ xilo tự chảy xuống băng tải cấp liệu, nếu quặng mịn, ẩm thường bị tắc phải thông chọc bằng sức người dẫn đến cấp liệu không ổn định, chỉ tiêu công nghệ nghiền phân cấp không ổn định.

- Hai máy tuyển từ hiện nay đã được đưa vào sử dụng từ năm 2006 có cường độ từ trường dao động từ 0,115-0,13T, đến nay đã xuống cấp từ trường yếu ảnh hưởng đến chất lượng tinh quặng sắt và thực thu tuyển.

- Hệ thống bơm bùn thải hiện nay có năng suất thực tế khoảng 300 350m^3/h, chỉ phù hợp khi điểm đổ thải ở 1 vị trí gần Nhà máy tuyển, trong khi hiện nay thường xuyên phải di chuyển điểm đổ thải mới xa nhà máy tuyển (bờ đập số 5 và số 6) dẫn đến năng lực xử lý của bơm thấp.

- Thiết bị Cell tuyển chưa có hệ thống nâng hạ mức bùn tự động PLC, chưa lắp đặt côn tháo đáy bằng thuỷ lực, dẫn đến công nghệ chưa đạt tối ưu, khi có sự cố mất điện thường ko giữ được bùn quặng trong các ngăn máy, mức bùn dao động thất thường ảnh hưởng đến chỉ tiêu công nghệ sản xuất và mất mát quặng ra đuôi thải.

- Quạt gió được đưa vào sử dụng từ năm 2006 đến nay, bạc không giữ nguyên trạng thường xô lệch, căn chỉnh khó, gioăng không kín dẫn đến rò dầu làm tăng lượng dầu sử dụng, gây hỏng các chi tiết liên quan của thiết bị.

** Đề xuất*

- Đầu tư thay thế dần các máy đập côn có tính năng tự nâng hạ nón côn bằng thuỷ lực khi bị kẹt tương tự như các máy đập côn của NM tuyển số 2, đồng thời thay 3 sàng hiện nay (loại 1 mặt lưới) bằng sàng rung 2 mặt lưới để nâng cao năng suất và giảm cỡ hạt vào nghiền xuống ≤ 10mm.

- Lắp đặt cấp liệu rung cấp liệu cho 02 máy nghiền bi để ổn định cấp liệu, giảm tắc, ổn định khâu nghiền.

- Thay mới 02 máy tuyển từ CTB-1024 có cường độ từ trường ≥ 0,165T.

- Thay thế hệ thống bơm bùn thải 10/8QV bằng bơm có năng suất 600 - 700 m^3/h.

- Bổ sung hệ thống nâng hạ mức bùn tự động cho thiết bị Cell tuyển; lắp đặt côn tháo đáy máy tuyển Cell bằng thuỷ lực, chạy tự động PLC để tránh thất thoát quặng khi có sự cố.

- Thay thế quạt gió chạy bằng bi cho quạt gió chạy bằng bạc đang sử dụng.

1.2. Nhà máy tuyển đồng số 2



của quá trình tuyển nổi xỉ lò nguồn nguyên liệu đầu vào là nhân tạo, tuy nhiên khâu cấp thuốc tuyển không có thiết bị cấp thuốc định lượng mà chỉ cấp thông qua các van cơ khí nên độ chính xác không cao.

- Hiện nay, xỉ lò SKS, lò chuyển và lò điện tại Nhà máy luyện đồng số 1 được làm nguội nhanh (làm nguội cưỡng bức) khoảng 20 giờ. Việc làm nguội nhanh dẫn đến các hạt sten trong xỉ lò không kịp lắng và phân tách gây ra toàn bộ sten đồng bị lẫn trong xỉ, gây khó khăn cho công tác tuyển xỉ, dẫn đến hàm lượng đồng trong đuôi tuyển xỉ cao (~0,6%Cu). Nếu được làm nguội chậm trong các gầu chứa trong khoảng thời gian từ 48 đến 56 giờ (đảm bảo nhiệt độ xỉ lò đạt < 50^0C), sau đó phân loại phần sten lẫn trong xỉ đưa trở lại nấu luyện, phần xỉ còn lại đưa vào tuyển xỉ sẽ giảm được hàm lượng đồng trong đuôi tuyển xỉ xuống ~0,3%Cu.

** Đề xuất*

- Nghiên cứu lắp đặt thiết bị theo dõi rắn lỏng cho khâu nghiền - phân cấp trước khi cấp vào thùng khuấy. Lắp đặt hệ thống van điều khiển tự động cho hệ thống các meo tuyển thông qua mức bùn được cài đặt cho mỗi khâu công nghệ tuyển Lắp đặt hệ thống cấp thuốc tự động và cài đặt chi phí thuốc tuyển thông qua lưu lượng bùn quặng. Lắp đặt biến tần cho các thiết bị nghiền tuyển.

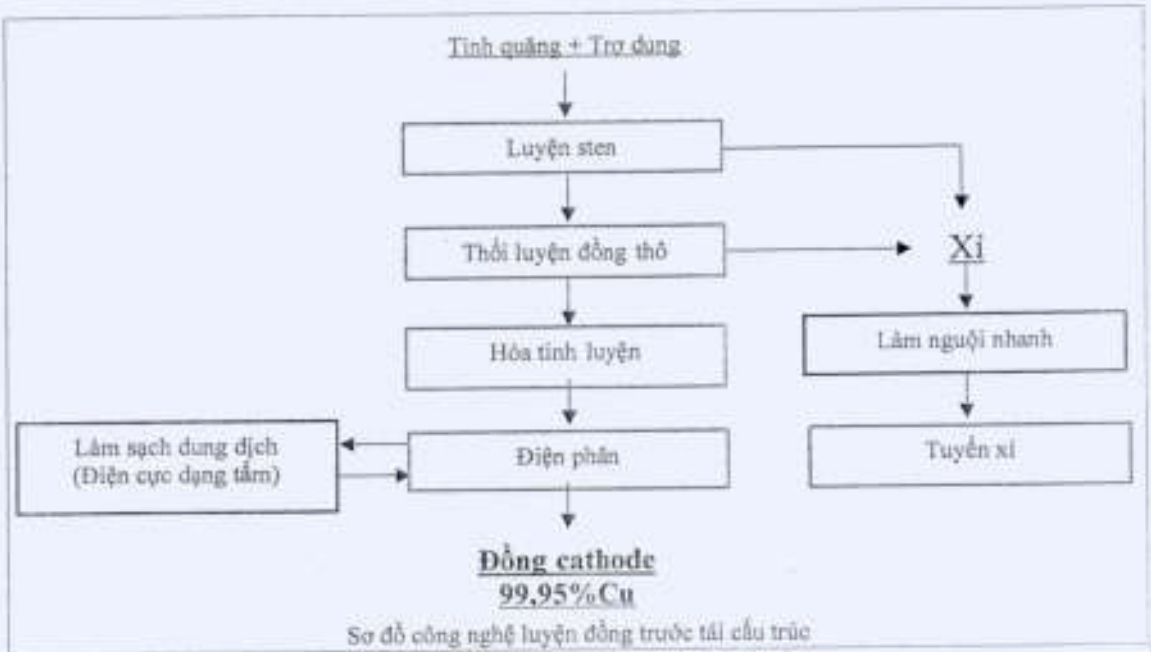
- Đầu tư hệ thống dây chuyền, thiết bị làm nguội chậm xỉ các lò luyện trước khi đưa vào tuyển tại Nhà máy luyện đồng số 1.

2. Công tác luyện kim

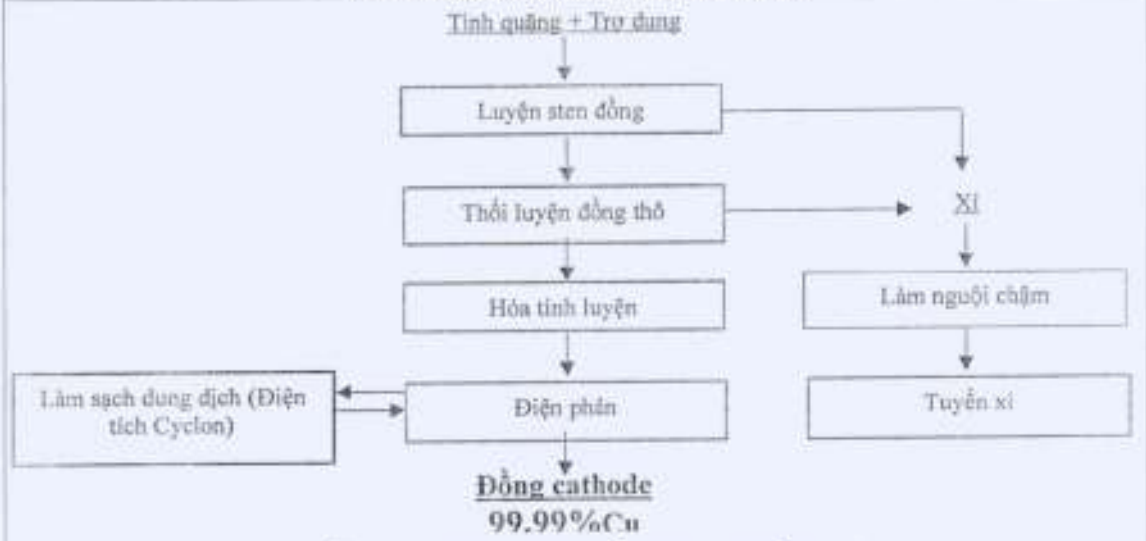
2.1. Nhà máy luyện đồng số 1

Tiếp tục cải tiến công nghệ, lựa chọn vật tư phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất, tính toán công nghệ phối trộn hợp lý giữa tinh quặng Sin Quyền với nhiều nguồn tinh quặng chứa tạp chất để đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất; bổ sung hệ thống thiết bị và công nghệ mới như phương pháp làm nguội chậm xỉ thay thế phương pháp làm nguội nhanh hiện tại để giảm hàm lượng đồng trong đuôi xỉ ~ 0,3%Cu, nâng cao thực thu; cải thiện tốt hơn nữa môi trường lao động; thực hiện đầu tư bổ sung máy phân tích phục vụ công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm....

Sơ đồ công nghệ rút gọn trước và sau tái cơ cấu kỹ thuật như sau:



Sơ đồ công nghệ luyện đồng trước tái cấu trúc



Sơ đồ công nghệ luyện đồng sau tái cấu trúc

2.2. Nhà máy luyện đồng số 2

Mục tiêu vận hành đạt cao hơn công suất thiết kế 20.0000 tấn đồng cathode/năm, để nâng tổng công suất hai nhà máy trên 30.000 tấn/năm, tính toán công nghệ phối trộn hợp lý giữa tinh quặng Sin Quyền với nhiều nguồn tinh quặng chứa tạp chất để đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất; cải thiện tốt hơn các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật tiên tiến thiết kế mới đã được đưa vào vận hành từ năm 2021 như: sản xuất khí ôxy chất lượng cao trên 99,5%O_2 theo phương pháp phân ly, vận hành lò chuyển với gió giầu oxy, sử dụng công nghệ cường hóa ôxy để đốt dầu tinh luyện đồng lò phản xạ, đảm bảo tiêu hao nhiên liệu thấp, công nghệ điện phân đồng sử dụng tấm cực vĩnh cửu, công nghệ làm sạch dung dịch theo phương pháp điện tích Cyclon...

2.3. Nhà máy điện phân kẽm Thái Nguyên

Tiếp tục nâng cao năng suất và sản lượng, cải tiến công nghệ và thiết bị, vật liệu, nhiên liệu ... để giảm tiêu hao và chi phí, thực hiện giảm hàm lượng kẽm trong bã sắt, tăng cường thu hồi các nguyên tố có ích đi kèm trong nguyên liệu tinh quặng kẽm như đồng, cadimi, chì..., điều chỉnh phù hợp cơ cấu nguyên liệu bột kẽm ôxit và tinh quặng sulfua trong công nghệ sản xuất kẽm thỏi, tiếp tục hoàn thiện cải tạo nâng cao chất lượng nhà máy kẽm điện phân; chuyển đổi công nghệ luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân từ thủy luyện toàn phần sang bán thủy luyện, đưa bùn thủy luyện vào sản xuất hỏa luyện công nghệ lò quay để thu hồi bột oxit kẽm, tận thu khoáng sản, bổ sung nguồn nguyên liệu cho Nhà máy kẽm điện phân.

2.4. Nhà máy luyện gang thép Cao Bằng

Cải tiến công nghệ và thiết bị, vật liệu, nhiên liệu, nâng cao các chỉ tiêu kỹ thuật, đảm bảo sản lượng 220.000 tấn phôi thép/năm, đa dạng hóa nguồn quặng sắt đảm bảo đủ quặng sắt cho sản xuất, tiếp tục chế biến sâu sản phẩm ghi thiêu kết, bi nghiền quặng sắt...từ nguồn gang lỏng, thực hiện cơ cấu sản phẩm phôi thép phù hợp thị trường, triển khai đầu tư xây dựng dây chuyền cán thép để đa dạng hóa sản phẩm.

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 683 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
V/v thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ năm được ban hành kèm theo Quyết định số 370/QĐ-VIMICO ngày 18/4/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, TCLĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải